

KHÁI NIỆM VÀ CẤU TRÚC ĐỜI SỐNG VĂN HÓA

TRẦN ĐỨC NGÔN

Tóm tắt

Nếu coi văn hóa là tổng thể thì môi trường văn hóa là một phần của tổng thể ấy bao quanh con người trong một không gian và thời gian nhất định. Đời sống văn hóa là sự chiếm lĩnh của con người đối với môi trường văn hóa thông qua các hoạt động cụ thể để từ đó hình thành nhân cách.

Mỗi cá nhân có một đời sống văn hóa riêng. Tuy nhiên, đời sống văn hóa cá nhân khi đi theo cùng một xu hướng thì sẽ hình thành đời sống văn hóa cộng đồng.

Về cấu trúc tồn tại, đời sống văn hóa có thể được phân chia thành hai cấp độ: Cấu trúc bề mặt là diện mạo của đời sống văn hóa. Cấu trúc bề sâu là bản chất của đời sống văn hóa. Hai cấu trúc này tác động ảnh hưởng lẫn nhau. Trong mỗi cấu trúc, các thành tố cũng đều có mối quan hệ biện chứng.

Từ khóa: Đời sống văn hóa, cấu trúc bề mặt, cấu trúc bề sâu

Abstract

If culture is considered as the whole, the cultural environment is one part of the whole that surrounds people in a certain space and time. Cultural life is the occupation of people in the cultural environment through the specific activities from which to form personality.

Each individual has a particular cultural life. However, the individual cultural life in the same trend will lead to community cultural life.

Regarding the structure of existence, cultural life can be divided into two levels: Surface structure is the face of cultural life. Deep structure is the essence of cultural life. These two structures affect each other. In each structure, elements also have a dialectical relationship.

Keywords: Cultural life, surface structure, deep structure

Thuật ngữ “Đời sống văn hóa”, những năm gần đây xuất hiện khá nhiều trong các công trình nghiên cứu về văn hóa đương đại. Khái niệm “Đời sống văn hóa” chưa được định hình. Có nhiều ý kiến rất khác nhau, song nhìn chung, sự phức tạp là ở chỗ, các nhà nghiên cứu chưa tách bạch được khái niệm đời sống văn hóa với các khái niệm khác như đời sống, văn hóa, môi trường văn hóa v.v...

1. Đời sống văn hóa trong sự phân biệt với các khái niệm khác có liên quan

1.1. Đời sống và đời sống văn hóa

Hiểu theo góc độ sinh học, đời sống chính là sự sống đang diễn ra (nói cách khác, là quá trình tồn tại của một cơ thể sống). Mọi sinh vật, trong đó có con người đều có quá trình sống (tồn tại gắn liền với sự vận động tự thân từ bên trong đến bên ngoài cơ thể) trong một khoảng thời gian nhất định. Quá trình ấy gọi là đời sống, song đó chủ yếu là đời sống sinh học.

Con người khác với các loài động vật ở chỗ không chỉ có đời sống sinh học. Nét đặc thù của đời sống mỗi con người là sống không tách rời mối quan hệ với những người khác. Động vật trong tự nhiên cũng có những mối quan hệ với nhau (quan hệ sinh sản, quan hệ bầy đàn, quan hệ đấu tranh sinh tồn...) nhưng đó vẫn là những mối quan hệ tự nhiên, được thực hiện thông qua những phản xạ tự nhiên có hoặc không có điều kiện; còn đối với con người, đây là những mối quan hệ xã hội, tức những mối quan hệ được dẫn dắt bằng ý thức. Vì vậy, con người muốn tồn tại, phải tham gia vào hai loại hoạt động: hoạt động sinh học và hoạt động xã hội. Các hoạt động sinh học bảo đảm sự sống cho con người (ăn, uống, thức, ngủ, đi lại, suy nghĩ, nói năng). Khác hẳn với các loài động vật, con người, ngay từ giai đoạn đầu tiên của lịch sử phát triển, đã có nhu cầu giao tiếp với nhau, nghĩa là có nhu cầu liên kết để tăng thêm sức mạnh. Chính sự giao tiếp ngày càng phong phú, phức tạp đã tạo nên xã hội. Suy cho cùng, xã hội là sự tập hợp những con người giao tiếp với nhau theo những mối quan hệ đa chiều. Hoạt động xã hội không chỉ dừng lại ở giao tiếp. Con người, ngoài giao tiếp hàng ngày, còn tham gia vào các *quá trình xã hội* như quá trình di cư, quá trình lao động, quá trình chiến đấu v.v..., trong đó có một quá trình mà con người tham gia rất thường xuyên, đó là *quá trình văn hóa* (tức quá trình thỏa mãn những nhu cầu tinh thần). Ví dụ, cũng là ăn, mặc, ở nhưng không phải chỉ để bảo tồn sự sống mà còn để thỏa mãn nhu cầu tinh thần như ăn ngon, mặc đẹp, ở sang trọng. Những nhu cầu tinh thần này không phải ngay từ đầu đã được thỏa mãn, con người phải có cả một quá trình, thậm chí là lâu dài, gian khổ mới đạt tới được.

Như vậy, *đời sống văn hóa là một bộ phận của đời sống xã hội của con người, thể hiện chất lượng sống của con người*. Đời sống văn hóa hình thành muộn hơn đời sống sinh học nhưng dần dần đã trở thành quan trọng không kém gì đời sống sinh học. Thiếu đời sống sinh

học, con người không thể tồn tại nhưng nếu thiếu đời sống văn hóa, con người không thể phát triển và nâng cao chất lượng sống.

1.2. Văn hóa và đời sống văn hóa

Văn hóa là toàn bộ các giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra. Đây là một định nghĩa chung nhất đã được nhiều người thừa nhận. Tuy nhiên, khi đã hình thành rồi thì văn hóa có thể tồn tại trong con người và cũng có thể tồn tại ngoài con người. Theo sự phân chia tương đối, văn hóa vật chất thường tồn tại bên ngoài con người (như những sản phẩm vật chất mà con người sáng tạo ra: công cụ lao động, phương tiện sinh hoạt, công trình nghệ thuật tồn tại ở dạng vật chất...), văn hóa tinh thần thường tồn tại bên trong con người (như lễ nghi, tập tục, các hình thức văn hóa ngôn từ...). Đời sống văn hóa nằm trong phạm vi của văn hóa tinh thần. Tuy vậy, không phải toàn bộ văn hóa tinh thần là đời sống văn hóa. Có những bộ phận (hoặc yếu tố) của văn hóa tinh thần không tham gia vào đời sống văn hóa. Ví dụ, tôn giáo, tín ngưỡng là một bộ phận của văn hóa tinh thần. Song, đối với những người không theo một tôn giáo, tín ngưỡng nào thì trong đời sống văn hóa của người đó không có sự chi phối (hay tham gia) của tôn giáo, tín ngưỡng ấy. Ví dụ, không phải mọi người đều theo đạo Tin Lành mặc dù đạo này đã hiện hữu ở Việt Nam từ cuối thế kỷ XIX (khoảng 1884). Trong đời sống văn hóa của đa số người dân Việt Nam hơn một thế kỷ qua, không hiện hữu đạo Tin Lành. Như vậy, muốn có đời sống văn hóa ở một phương diện nào thì con người phải tác động vào các yếu tố văn hóa ở phương diện ấy hoặc bị các yếu tố văn hóa ở phương diện ấy tác động, nghĩa là con người phải tham gia vào các hoạt động văn hóa thì mới có đời sống văn hóa. Chỉ khi con người tác động vào các thành tố nhất định của văn hóa thì mới tạo nên những hiệu ứng trở lại và chính những hiệu ứng này làm nên đời sống văn hóa. Ví dụ trên là nói tới một yếu tố văn hóa tinh thần. Qua đây, ta cũng thấy có sự khác biệt giữa văn hóa và đời sống văn hóa. Cùng với văn hóa

tinh thần, văn hóa vật chất, tuy tồn tại ngoài con người nhưng không phải vì thế mà không tham gia vào đời sống văn hóa. Nếu con người tác động vào một bộ phận nào đó của nó thì lập tức, những yếu tố tinh thần của bộ phận này cũng trở thành phương diện tương ứng của đời sống văn hóa. Ví dụ, một thiết chế văn hóa (như đình, đền, thư viện, bảo tàng v.v...), nếu đứng độc lập với con người, không có mối liên hệ nào với con người thì mặc dù ở rất gần con người, cũng không thể trở thành đời sống văn hóa; tuy nhiên, nếu những thiết chế này được con người sử dụng hoặc tham gia vào những hoạt động của chúng thì chúng trở thành những yếu tố của đời sống văn hóa.

Đời sống văn hóa, nếu quan niệm theo nghĩa rộng thì đó là toàn bộ những yếu tố văn hóa hiện hữu trong đời sống con người. Hiểu theo nghĩa biện chứng hơn, đời sống văn hóa chính là sự tương tác giữa văn hóa và con người (quá trình con người tác động vào văn hóa và quá trình văn hóa tác động, thâm nhập vào con người). Khi con người tác động vào văn hóa là lúc con người sáng tạo ra văn hóa và làm biến đổi văn hóa; khi văn hóa tác động vào con người là lúc hình thành nhân cách. Như vậy, đời sống văn hóa là sự gắn bó giữa văn hóa và con người theo mối quan hệ hai chiều. Điều đó cũng có nghĩa là những yếu tố văn hóa không gắn với con người (kể cả văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần) thì không trở thành đời sống văn hóa. Như vậy, con người không gắn với toàn bộ văn hóa nói chung mà thường gắn với một môi trường văn hóa cụ thể.

1.3. Môi trường văn hóa và đời sống văn hóa

Đây là hai khái niệm dễ nhầm lẫn với nhau. Trước hết, môi trường văn hóa là một khái niệm hẹp hơn khái niệm văn hóa, được hiểu là toàn bộ các thực thể, hiện tượng, quá trình văn hóa (trong đó bao gồm cả các giá trị văn hóa) bao quanh con người. Không phải tất cả các yếu tố của văn hóa đều tham gia vào việc hình thành một môi trường văn hóa cụ thể. Do đó,

không thể đồng nhất văn hóa với môi trường văn hóa.

Đời sống văn hóa được hình thành trong môi trường văn hóa. Môi trường văn hóa tồn tại khách quan ngoài con người, là khách thể của con người, còn đời sống văn hóa lại nằm bên trong con người, là chất lượng sống của con người. Không phải tất cả các thực thể, hiện tượng, quá trình văn hóa bao quanh con người (môi trường văn hóa) đều có thể trở thành đời sống văn hóa. Vì là chủ thể văn hóa, con người bao giờ cũng có sự lựa chọn khi đứng trước môi trường văn hóa. Đây là điều rất quan trọng. Sau sự lựa chọn đó, con người mới quyết định tương tác với môi trường văn hóa. Các yếu tố của môi trường văn hóa chỉ khi tác động vào con người hoặc con người tác động vào chúng để gây hiệu ứng trở lại thì khi đó chúng mới được coi là nằm trong đời sống văn hóa. Mỗi người có thể lựa chọn những yếu tố này một cách khác nhau để tạo nên đời sống văn hóa riêng cho mình. Cũng có trường hợp môi trường văn hóa tương đối thống nhất với đời sống văn hóa khi con người tiếp nhận gần giống nhau các yếu tố văn hóa của môi trường này và sử dụng chúng như là những phương tiện để tồn tại và phát triển. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp khác, không có sự đồng nhất, bởi con người (chủ thể văn hóa) luôn luôn có sự lựa chọn như đã nói ở trên. Suy cho cùng thì môi trường văn hóa là điều kiện để hình thành đời sống văn hóa, nó chi phối đời sống văn hóa của mỗi con người và các yếu tố của nó chỉ tham gia vào đời sống văn hóa trong những trường hợp được con người lựa chọn.

1.4. Đời sống tinh thần và đời sống văn hóa tinh thần

Hai khái niệm này cũng rất gần nhau bởi đời sống văn hóa chủ yếu là đời sống tinh thần. Tuy nhiên, chúng không phải là đồng nhất. Khái niệm đời sống tinh thần rộng hơn khái niệm đời sống văn hóa, nó là toàn bộ những biểu hiện tâm lý của con người, khẳng định con người là một thực thể sống trong những mối tương quan xã hội nhất định. Toàn

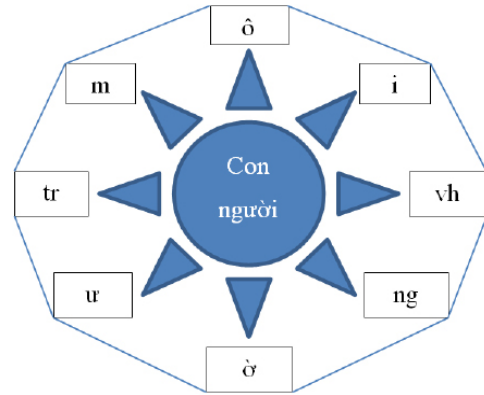
bộ nhận thức, tư tưởng, tình cảm là đời sống tinh thần nhưng không phải tất cả trong đó đều là đời sống văn hóa. Chỉ khi nào những nhận thức, tư tưởng và tình cảm này hướng tới các giá trị và chuẩn mực thì khi đó chúng mới trở thành đời sống văn hóa. Việc hướng tới các giá trị và chuẩn mực thường chiếm vị trí quan trọng, cốt lõi trong đời sống tinh thần của con người.

Vì vị trí quan trọng, cốt lõi này mà khi nói tới đời sống văn hóa, người ta thường hiểu đó là đời sống văn hóa tinh thần. Tuy nhiên, do vậy mà ở đây lại xuất hiện thêm một câu hỏi: có đời sống văn hóa tinh thần thì liệu có đời sống văn hóa vật chất không? Nếu có thì đây chỉ là một sự phân biệt rất tương đối. Cái gọi là “đời sống văn hóa vật chất” thực ra là *sự thụ hưởng những giá trị tinh thần khi con người tương tác với những yếu tố vật chất bao quanh mình* (điều kiện sống, sinh hoạt và làm việc, gọi chung là phương tiện sống). Ví dụ, khi tương tác với nhà ở (điều kiện sống), con người không chỉ sử dụng như một không gian để tồn tại mà còn thụ hưởng ở đó những giá trị thẩm mỹ do chính mình tạo tác nên. Cũng như vậy, quần áo dùng để che thân nhưng điều người ta hướng tới là những vẻ đẹp sang trọng của nó. Tục ngữ có câu: “Người đẹp vì lụa”. Ca dao cũng có câu: “Hơn nhau tấm áo manh quần, thả ra mình trần ai cũng như ai”. Đó cũng là những giá trị, chuẩn mực tinh thần. Như vậy, đời sống văn hóa tinh thần và đời sống văn hóa vật chất, nếu có sự phân biệt thì chỉ khác nhau ở chỗ, một bên trực tiếp gắn với những phương tiện sống của con người, còn một bên thì gắn với những phương diện khác của môi trường văn hóa. Tất cả những sự phân biệt trên là để đi tới một định nghĩa về đời sống văn hóa.

1.5. Định nghĩa đời sống văn hóa

Sơ đồ sau đây có thể giúp cho việc định nghĩa đời sống văn hóa được dễ dàng hơn.

Trong sơ đồ này, con người là chủ thể của đời sống văn hóa, được biểu thị bằng hình tròn ở giữa. Môi trường văn hóa là các yếu tố văn



hóa m, ô, i, tr, u, ờ, ng, v, h bao quanh con người. Khi con người tác động vào các yếu tố này (biểu thị bằng đỉnh nhọn của hình tam giác hướng về phía m, ô, i, ...) thì sẽ gây hiệu ứng trở lại (biểu thị bằng đáy hình tam giác hướng về phía con người). Toàn bộ các hình tam giác biểu thị đời sống văn hóa của con người.

Nhìn vào sơ đồ, ta có thể thấy đời sống văn hóa tạo nên diện mạo của đời sống con người, nó tham gia vào quá trình sống và tạo nên chất lượng sống.

Sơ đồ trên cũng thể hiện vai trò vô cùng quan trọng của môi trường văn hóa đối với sự hình thành đời sống văn hóa. Thiếu môi trường văn hóa thì không thể hình thành được đời sống văn hóa.

Điều quan trọng ở đây là những hiệu ứng xảy ra do quá trình tương tác giữa con người với môi trường văn hóa (thể hiện bằng những hình tam giác trong sơ đồ). Hiệu ứng này làm cho những yếu tố của môi trường văn hóa không chỉ xuất hiện trên bề mặt (tạo nên diện mạo của đời sống văn hóa) mà còn “hần sâu” lên con người, tạo nên phẩm chất người, thẩm thấu vào chiều sâu của nhân cách.

Như vậy, đời sống văn hóa có bề mặt và có bề sâu. Bề mặt là những hoạt động tương tác giữa con người với môi trường văn hóa, bề sâu là những giá trị văn hóa thẩm thấu vào con người.

Qua phân tích ý nghĩa của sơ đồ, chúng tôi đi tới định nghĩa sau về đời sống văn hóa:

Đời sống văn hóa là kết quả của hoạt động tương tác giữa con người với môi trường văn hóa, tạo nên diện mạo cũng như chiều sâu của đời sống tinh thần con người, thể hiện chất lượng sống và góp phần hình thành nhân cách.

2. Cấu trúc của đời sống văn hóa

2.1. Cấu trúc bề mặt (diện mạo) của đời sống văn hóa

Trong mối quan hệ giữa con người và văn hóa thì con người luôn ở trạng thái chủ động sáng tạo ra văn hóa và chủ động truyền bá văn hóa; ngược lại, văn hóa cũng không phải ở trạng thái tĩnh mà nó luôn luôn tác động trở lại con người, dẫn đến quá trình thay đổi của chính con người. Xét theo mối quan hệ trên, có thể thấy rằng khi nào con người thực hiện các hoạt động văn hóa thì khi đó con người có đời sống văn hóa. Hoạt động văn hóa rất đa dạng, con người có khả năng tham gia vào tất cả các lĩnh vực văn hóa, do đó, đời sống văn hóa cũng rất đa dạng. Tuy nhiên, có thể khái quát các hoạt động văn hóa thành ba nhóm: các hoạt động tiếp nhận - hưởng thụ văn hóa; các hoạt động thực hành - truyền bá văn hóa; và các hoạt động sáng tạo văn hóa. Ba nhóm hoạt động này luôn có mối quan hệ mật thiết với nhau: con người có thể vừa sáng tạo vừa thực hành - truyền bá hoặc vừa tiếp nhận - hưởng thụ vừa thực hành - truyền bá, trong quá trình thực hành - truyền bá cũng đồng thời có tiếp nhận - hưởng thụ và sáng tạo văn hóa. Ba nhóm hoạt động này có thể được coi là đã bao quát được toàn bộ các hoạt động văn hóa đa dạng và thể hiện được tương đối đầy đủ cấu trúc bề mặt (diện mạo) của đời sống văn hóa.

- Các hoạt động tiếp nhận - hưởng thụ văn hóa:

Con người luôn tiếp nhận các yếu tố văn hóa từ chính môi trường sống của mình. Ngay từ khi mới sinh ra, con người đã có sự tiếp nhận này. Tiếng hát đưa nôi là yếu tố văn hóa đầu đời đã góp phần làm cho mỗi con người "lớn lên" và trở thành một nhân cách văn hóa. Trong suốt cuộc đời mình, con người tiếp nhận

văn hóa không ngừng, không nghỉ. Sự tiếp nhận ấy chỉ dừng lại khi trái tim ngừng đập và sự sống kết thúc. Văn hóa được con người tiếp nhận từ nhiều nguồn, trên nhiều phương diện, theo nhiều thành tố khác nhau. Tuy nhiên, mỗi con người, tùy theo diện tiếp xúc của mình với môi trường văn hóa mà có sự tiếp nhận rộng, hẹp, nhiều, ít. Thậm chí, cùng sống chung trong một môi trường văn hóa, những người khác nhau cũng có sự tiếp nhận văn hóa khác nhau. Nguyên nhân có thể do trình độ, do khả năng hoặc do sở thích. Như vậy, sự tiếp nhận văn hóa của con người có tính đa dạng, tức có sự khác nhau trong mỗi trường hợp. Đó là đời sống văn hóa cá nhân. Bên cạnh đời sống văn hóa cá nhân, còn có đời sống văn hóa cộng đồng (sẽ được nói tiếp ở phần sau).

Có hai loại tiếp nhận văn hóa. Loại thứ nhất là tiếp nhận bị động, nghĩa là văn hóa tác động đến con người một cách tự nhiên. Ví dụ, hàng ngày, mỗi con người phải giao tiếp, ứng xử với đồng loại. Những ứng xử đẹp của đồng loại đã được người đó tiếp nhận một cách tự nhiên và trở thành văn hóa ứng xử của chính mình. Khi tham gia giao thông, mọi người đều nghe tiếng loa tuyên truyền về văn hóa giao thông. Con người đã tiếp nhận sự tuyên truyền này một cách bị động để chuyển nó thành văn hóa cá nhân hay văn hóa cộng đồng.

Loại thứ hai là tiếp nhận chủ động. Con người có nhu cầu cần được tiếp nhận văn hóa (hoặc cần được thỏa mãn những nhu cầu văn hóa) nên đã chủ động lựa chọn một số yếu tố có sẵn trong môi trường văn hóa. Có hai lý do dẫn đến nhu cầu lựa chọn:

Lý do thứ nhất là công việc. Mỗi nghề nghiệp đều cần có văn hóa riêng; mỗi cương vị (địa vị) xã hội cũng cần có văn hóa riêng. Mỗi người ở nghề nghiệp nào, cương vị nào thì đều có nhu cầu tiếp nhận văn hóa trong phạm vi nghề nghiệp, cương vị đó. Con người phải tự tìm đến các nguồn văn hóa mà mình lựa chọn để tiếp nhận, lý do đơn giản là nếu không có sự tiếp nhận này thì sẽ gặp rất nhiều khó khăn,

thậm chí không thể làm việc được. Một ví dụ đơn giản: người làm nghề kinh doanh trong cơ chế thị trường, nếu không biết cách ứng xử với khách hàng (hoặc ứng xử với khách hàng như ở thời bao cấp) thì chắc chắn sẽ làm ăn thua lỗ. Vì vậy, trong môi trường văn hóa kinh doanh, anh ta buộc phải tiếp nhận văn hóa ứng xử trong kinh doanh của đồng nghiệp.

Lý do thứ hai là sở thích cá nhân. Mỗi người đều có sở thích riêng như nghe nhạc, xem phim, đi du lịch. Anh ta cần được thỏa mãn và chủ động đi tìm sự thỏa mãn. Trường hợp này được gọi là *sự hưởng thụ văn hóa*. Đây cũng là một dạng của tiếp nhận chủ động. Đặc trưng loại biệt của nó là ở chỗ tạo ra được sự hưng phấn hay là *sự khoái cảm văn hóa*. Như vậy, hưởng thụ văn hóa là một phần (hay một bộ phận) của tiếp nhận văn hóa. Tiếp nhận-hưởng thụ văn hóa vì thế được xem như là một thuật ngữ kép.

- *Các hoạt động thực hành - truyền bá văn hóa:*

Thực hành văn hóa là sự tái hiện các hình thức văn hóa bằng (hoặc thông qua) các hoạt động của con người. Thực hành văn hóa diễn ra thường xuyên trong đời sống. Mỗi con người, trong cuộc đời mình, đều ít nhiều tham gia các thực hành văn hóa. Có ba loại thực hành văn hóa: thực hành văn hóa tâm linh, thực hành văn hóa sinh hoạt và thực hành văn hóa lao động. Thực hành văn hóa tâm linh được thể hiện qua các nghi lễ mang tính thiêng. Văn hóa sinh hoạt là một lĩnh vực hỗn hợp, bao gồm trong đó nhiều thành phần khác nhau. Có thể nói, ngoại trừ văn hóa tâm linh và văn hóa lao động, những cái còn lại đều có thể xếp vào văn hóa sinh hoạt. Có thể kể ra một số hình thức của văn hóa sinh hoạt như văn hóa giao tiếp - ứng xử, văn hóa vui chơi, giải trí, nghệ thuật, văn hóa thời trang và ẩm thực v.v... Còn thực hành văn hóa lao động là thực hành về phương diện kỹ thuật, mỹ thuật để tạo ra sản phẩm.

Thực hành văn hóa thường gắn liền với truyền bá văn hóa. Thực hành văn hóa độc lập

chỉ diễn ra khi cá nhân hoạt động riêng biệt. Rất nhiều thực hành văn hóa khác do nhiều cá nhân đảm nhiệm, có sự liên hệ, gắn kết với nhau. Trong những trường hợp này, các cá nhân học hỏi lẫn nhau, bắt chước lẫn nhau và như thế là có sự truyền bá văn hóa. Chỉ cần một người múa và một người xem là đã có sự truyền bá văn hóa rồi. Trong thực tế, truyền bá văn hóa diễn ra ở mọi nơi, mọi lúc, gắn liền với các hoạt động thực hành văn hóa. Vì thế, đây cũng là một thuật ngữ kép: Thực hành - truyền bá văn hóa.

- *Các hoạt động sáng tạo văn hóa:*

Hoạt động sáng tạo văn hóa là một hoạt động đặc thù, tạo nên những yếu tố văn hóa mới hoặc tạo nên chất lượng mới cho văn hóa, làm biến đổi văn hóa. Con người đã sáng tạo ra các nền văn hóa. Tuy nhiên, những nền văn hóa này phải hàng nghìn năm mới có được. Vì thế, sáng tạo văn hóa là sự nghiệp lâu dài, bền bỉ của con người và trở thành *thuộc tính bản chất nhất của đời sống văn hóa*. Tiếp thu văn hóa, thực hành văn hóa là để sáng tạo văn hóa. Sáng tạo văn hóa thể hiện tính năng động và sức mạnh của đời sống văn hóa. Sáng tạo văn hóa có hai loại: cải tiến (cải biên) cái cũ và sáng tạo ra cái mới. Trong cải tiến (cải biên) cái cũ đã ít nhiều có sự sáng tạo cái mới rồi nhưng chưa làm thay đổi hoàn toàn diện mạo, bản chất của cái cũ. Chính vì thế mà văn hóa luôn luôn có tính kế thừa và những truyền thống cũ luôn được bảo lưu, trường tồn qua nhiều thế hệ. Việc sáng tạo ra cái mới lại mang ý nghĩa nhảy vọt, tạo sự cách tân so với truyền thống, làm cho văn hóa tiếp cận với văn minh và trở thành văn minh.

Sau hoạt động sáng tạo văn hóa, đương nhiên là có sản phẩm văn hóa. Sự ra đời của sản phẩm văn hóa tác động trở lại đối với con người, thỏa mãn nhu cầu của con người, làm cho đời sống văn hóa của con người thêm phong phú. Sự sáng tạo văn hóa là vô hình nhưng sản phẩm văn hóa lại hữu hình (có thể nhận biết được). Vì thế, khi nói đến sáng tạo văn hóa, không thể bỏ qua sản phẩm văn hóa.

2.2. Cấu trúc bề sâu của đời sống văn hóa

Sở dĩ gọi các yếu tố dưới đây là các yếu tố thuộc cấu trúc bề sâu của đời sống văn hóa bởi vì chúng hoàn toàn vô hình, chỉ cảm nhận được mà không thể nhận thức được bằng tri giác.

- **Các giá trị nhận thức:** Đó là hệ thống tri thức, kinh nghiệm sống (hay vốn sống) thể hiện sự từng trải của con người. Mỗi con người, trong quá trình sống, đều có những trải nghiệm riêng. Thông qua những sự kiện diễn ra trong cuộc đời, mỗi con người thường rút ra cho mình những bài học cần thiết. Những bài học này có giá trị đối với bản thân anh ta song cũng có thể có giá trị đối với người khác. Như vậy, giá trị của nhận thức chính là giá trị của tri thức, kinh nghiệm sống.

- **Các giá trị tư tưởng:** Như trên đã nói, con người luôn luôn suy nghĩ nhưng không phải mọi suy nghĩ đều tạo nên giá trị. Quá trình nhận thức dẫn đến việc hình thành một hệ thống quan niệm trong con người. Những quan niệm này chi phối các chiều hướng suy nghĩ của anh ta và khẳng định sự đúng, sai của nhận thức. Con người sẽ tiếp tục suy nghĩ theo hướng mà mình cho là đúng. Đây chính là các giá trị của tư tưởng bởi chúng không phải là những suy nghĩ thông thường, tản mạn mà là những suy nghĩ tập trung, mang tính định hướng, thể hiện một quan niệm sống hay lẽ sống.

- **Các giá trị tình cảm:** Đã là con người thì đương nhiên có đời sống tình cảm. Hỷ, nộ, ái, ố (vui mừng, tức giận, yêu, ghét) là những trạng thái tình cảm thông thường. Những tình cảm này khi nào thì trở thành văn hóa? Có thể xem xét vấn đề theo hai hướng sau đây:

Một là, những tình cảm (thông qua các trạng thái biểu hiện) tạo nên được mối quan hệ bền chặt giữa con người với con người. Chúng làm cho mối quan hệ ngày càng trở nên tốt đẹp hơn. Người ta gọi đó là những tình cảm đẹp. Nhà thơ Xuân Diệu viết: "Được giận hờn nhau sung sướng bao nhiêu". Khi đó, những tình cảm trở nên có giá trị đối với con người và trở thành văn hóa.

Hai là, những tình cảm hướng tới sự cao thượng, cao cả, hướng tới những điều lớn lao mà con người hằng mơ ước. Ví dụ: tình yêu quê hương, đất nước; lòng căm thù giặc xâm lăng; tình yêu vượt lên trên hận thù v.v... Những tình cảm đó trở nên có giá trị đối với nhiều người và trở thành những tình cảm chung của cộng đồng.

Các yếu tố ở cấp độ sâu tạo nên *nhân cách văn hóa* của con người.

Mối quan hệ giữa các yếu tố thuộc cấu trúc bề mặt và các yếu tố thuộc cấu trúc bề sâu là mối quan hệ biện chứng. Các yếu tố thuộc cấu trúc bề mặt là sự biểu hiện (thể hiện) các yếu tố thuộc cấu trúc bề sâu (chỉ thông qua hoạt động, người ta mới có thể hiểu và đánh giá được nhận thức, tư tưởng, tình cảm của một người hay một nhóm người như thế nào); điều đó cũng có nghĩa rằng, các yếu tố thuộc cấu trúc bề mặt có tác dụng làm hình thành các yếu tố thuộc cấu trúc bề sâu. Ví dụ: tình cảm nhớ về cội nguồn sẽ được hình thành nhờ những hoạt động thờ cúng tổ tiên hay những hoạt động tôn vinh công lao của các bậc tiền nhân. Ngược lại, những yếu tố thuộc cấu trúc bề sâu, sau khi đã hình thành rồi, lại đóng vai trò chi phối các yếu tố thuộc cấu trúc bề mặt. Ví dụ, triết lý sống "Thương người như thể thương thân", sau khi hình thành như một giá trị tinh thần trong con người thì có thể làm gia tăng những hoạt động từ thiện hoặc những hoạt động mang tính phi lợi nhuận.

3. Đời sống văn hóa cá nhân và đời sống văn hóa cộng đồng

3.1. Đời sống văn hóa cá nhân

Mỗi cá nhân chỉ tác động đến một số yếu tố văn hóa nhất định trong môi trường văn hóa. Số yếu tố văn hóa này là khác nhau ở những cá nhân khác nhau. Vì thế đời sống văn hóa của từng cá nhân sẽ không giống nhau. Nguyên nhân của vấn đề được giải thích như sau:

Thứ nhất, do môi trường văn hóa khác nhau. Các cá nhân sống cách xa nhau về mặt địa lý thường rơi vào trường hợp này. Có thể có

những môi trường văn hóa khác nhau nhiều như môi trường văn hóa ở các nước phương Đông so với phương Tây; cũng có những môi trường văn hóa gần nhau như ở các vùng trên cùng một lãnh thổ.

Thứ hai, do sự lựa chọn tự thân của các cá nhân, trong đó bao hàm việc đáp ứng các nhu cầu nghề nghiệp và sở thích. Điều này đã được phân tích kỹ ở các mục trên.

3.2. Đời sống văn hóa cộng đồng

Các cá nhân trong một cộng đồng có thể cùng tác động vào một số yếu tố của môi trường văn hóa. Điều này gây hiệu ứng chung cho cả cộng đồng, tạo nên đời sống văn hóa cộng đồng. Tuy nhiên, giữa cộng đồng này và cộng đồng khác, đời sống văn hóa cũng không giống nhau. Nguyên nhân là ở chỗ mỗi cộng đồng có trường tác động riêng đối với các yếu tố của môi trường văn hóa.

Thực ra, trong cộng đồng ấy, đời sống văn hóa của mỗi cá nhân ít nhiều đã có sự khác nhau nhưng nhìn tổng thể thì có sự đồng thuận trên những nét cơ bản. Đời sống văn hóa cộng đồng được hình thành trên cơ sở các cá nhân cùng sống trong một môi trường văn hóa, ở một mức độ hình thành sâu hơn là cùng nghề nghiệp, sâu hơn nữa là cùng sở thích. Tuy nhiên, khái niệm đời sống văn hóa cộng đồng chỉ mang ý nghĩa tương đối bởi một đời sống văn hóa đồng chất (trăm người như một) là không thể có được.

4. Kết luận

Đời sống văn hóa cần được xem xét trong mối quan hệ không thể tách rời với văn hóa và môi trường văn hóa. Nếu coi văn hóa là tổng thể thì môi trường văn hóa là một phần của tổng thể ấy bao quanh con người trong một không gian và thời gian nhất định. Đời sống văn hóa là sự chiếm lĩnh của con người đối với môi trường văn hóa thông qua các hoạt động cụ thể để từ đó hình thành nhân cách.

Do văn hóa là một hiện tượng phức tạp, từ đó môi trường văn hóa cũng phức tạp theo nên đời sống văn hóa luôn đa dạng, phong

phú. Mỗi cá nhân có một đời sống văn hóa riêng. Tuy nhiên, đời sống văn hóa cá nhân khi đi theo cùng một xu hướng thì sẽ hình thành đời sống văn hóa cộng đồng.

Về cấu trúc tồn tại, đời sống văn hóa có thể được phân chia thành hai cấp độ: cấu trúc bề mặt và cấu trúc bề sâu. Cấu trúc bề mặt là diện mạo của đời sống văn hóa. Cấu trúc bề sâu là bản chất của đời sống văn hóa. Hai cấu trúc này tác động ảnh hưởng lẫn nhau. Trong mỗi cấu trúc, các thành tố cũng đều có mối quan hệ biện chứng.

T.Đ.N

(PGS.TS., Nguyên Hiệu trưởng Trường ĐHVH HN)

Tài liệu tham khảo

1. Đặng Thị Thúy Hằng (2015), *Đời sống văn hóa của cư dân ven biển Hà Tĩnh thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Luận án Tiến sĩ Văn hóa học, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.
2. Nguyễn Thị Phương Lan (2004), *Về khái niệm đời sống văn hóa*, Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật (số 12/2004).
3. Trần Chí Mỹ (2002), *Xây dựng đời sống văn hóa tinh thần ở Thành phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay*, Luận án tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
4. Hoàng Vinh (1995), *Tổ chức xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở*, trong sách: *Đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

Ngày nhận bài: 11 - 8 - 2017

Ngày phản biện, đánh giá: 15 - 9 - 2017

Ngày chấp nhận đăng: 30 - 9 - 2017